

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 182/2022/DS-PT
Ngày 30/6/2022
Vv: *Tranh chấp chia di sản thừa kế*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyên;

Các Thẩm phán: Ông Điều Văn Hằng;

Ông Phùng Hải Hiệp;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đào Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:*** Ông Đỗ Văn Hữu, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 11/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2020/DS-ST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6986/2022/QĐ-PT ngày 15 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Trần Thị Minh H, sinh năm 1971, địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

- ***Bị đơn:*** Bà Trần Thị Q, sinh năm 1954, địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Văn N và Luật sư Ngô Thành B – Công ty L2, Đoàn Luật sư thành phố H. Luật sư N vắng mặt; Luật sư Ba có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Trần Thị P, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

- Bà Trần Thị V; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- Bà Trần Thị X; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- Bà Trần Thị Kim H1; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- Bà Trần Thị Minh P1, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

- Chị Trần Thị H2; địa chỉ: Thôn M, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- Chị Trần Thị P2; địa chỉ: Thôn G, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- Chị Trần Thị T; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- Chị Trần Thị H3; địa chỉ: Thôn G, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- Anh Trần Mạnh Q1; địa chỉ: Tổ A, Khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt.

- Anh Trần Văn D; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- Anh Trần Văn V1; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

- Chị Trần Thị Y nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ G, Khu I, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Q, bà Trần Thị V, bà Trần Thị X, bà Trần Thị Kim H1, anh Trần Văn D, anh Trần Văn V1: Bà Nguyễn Thùy D1, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ dân phố Q, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

Người đại diện theo pháp luật của chị Trần Thị H2, chị Trần Thị P2, chị Trần Thị H3, anh Trần Mạnh Q1: Bà Trần Thị Kim H1; địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Văn D, anh Trần Văn V1: Bà Bùi Thị H4; địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị Y: Bà Trần Thị Minh H, địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn là bà Trần Thị H trình bày: Cụ Trần Văn Đ chết ngày 18/01/2019 có vợ là cụ Lê Thị L chết ngày 03/3/2017. Bố mẹ cụ Đ, cụ L đều chết trước hai cụ đã lâu. Cụ Đ, cụ L không có bố mẹ nuôi, không có con nuôi, không có con riêng, chỉ có mười người con chung là: Bà Trần Thị Q; Bà Trần Thị V; Bà Trần Thị X; Bà Trần Thị Kim H1; Bà Trần Thị P; Bà Trần Thị Minh H; Bà Trần Thị Minh P1; Ông Trần Văn B1 (chết ngày 29/12/2003); Ông Trần Văn A (chết ngày 15/7/2002; Ông Trần Văn T1 (chết năm 2013).

Ông Trần Văn B1 có vợ nhưng đã ly hôn và sinh được hai người con là anh Trần Mạnh Q1, Trần Mạnh C (đã chết năm 2007, không có vợ con, không có bố mẹ nuôi). Ông B1 và bà Bùi Thị Kim O có một con chung là Trần Thị Y. Ông B1 không có con nuôi, không có bố mẹ nuôi.

Ông Trần Văn A có vợ là bà Bùi Thị H4 và có hai con chung là Trần Văn D, Trần Văn V1. Ông A không có con nuôi, không có bố mẹ nuôi, không có con riêng.

Ông Trần Văn T1 có vợ là bà Lê Thị L1 và có bốn con chung là Trần Thị H2, Trần Thị P2, Trần Thị T, Trần Thị H3. Chị Trần Thị T hiện nay lấy chồng và sinh sống tại Hàn Quốc nhưng không rõ địa chỉ, bà L1 cũng theo con sang Hàn Quốc. Ông T1 không có con nuôi, không có bố mẹ nuôi, không có con riêng.

Khi còn sống cụ Đ, cụ L có diện tích đất hơn 1000m² tại thị trấn M nhưng đã chuyển nhượng một phần cho chị N1 và cho bà H diện tích đất là 312,5m², đều đã làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất). Mọi người đều thống nhất, không có ý kiến gì về việc này.

Cụ L, ông T1, ông A, ông B1 chết đi không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ gì. Cụ Đ, cụ L chết đi có để lại di sản là diện tích đất là 669,2m² tại thị trấn M. Một nhà cấp bốn, một móng nhà gạch ba banh, 01 cây nhãn, 03 cây mít; những tài sản này có giá trị không lớn nên bà H không yêu cầu chia thừa kế. Cụ Đ có để lại di chúc được lập ngày 24/4/2018, đây là bản di chúc sau cùng, có chứng thực của Ủy ban nhân dân thị trấn M với nội dung: Diện tích đất 669,2m² là tài sản chung của vợ chồng cụ, phần của mỗi người là 334,6m², cụ Đ được hưởng phần di sản của vợ là 30,4m². Tổng cộng cụ có 365m², cụ để 32,8m² làm ngõ đi chung, cụ chia cho con H 107,2m², con P1 107,4m², con Phúc 117,6m²; còn lại để làm nơi thờ cúng. Bà H yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Đ theo di chúc được lập ngày 24/4/2018, phần còn lại là di sản thừa kế của cụ L đề nghị chia theo quy định của pháp luật.

Bà H trình bày thêm: Năm 2017, khi cụ Đ còn sống đã cho bà thêm một phần diện tích đất của cụ Đ, cụ L. Hiện nay bà đã xây công trình khép kín trên cả phần đất này. Việc cho đất được cụ Đ lập giấy viết tay do bà giữ tờ giấy này, không làm thủ tục tại chính quyền địa phương. Năm 2014, bố mẹ bà và các anh chị em chỉ cho bà Q ở nhờ, xây nhà khoảng 40m² trên diện tích đất 669,2m². Bà đồng ý đại diện nhận quyền sử dụng đất chia cho bà P và thực hiện các nghĩa vụ nếu được chia.

Bị đơn (bà Trần Thị Q) và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Thống nhất với lời khai của nguyên đơn về quan hệ nhân thân, di sản thừa kế của cụ Đ, cụ L để lại. Năm 2014, cụ Đ, cụ L đã cho bà Q 40m² đất để xây nhà, bà đã xây một nhà cấp 4 để ở từ đó đến nay nhưng chưa làm thủ tục, diện tích đất này vẫn nằm trong di sản thừa kế của cụ Đ, cụ L. Bà không đồng ý chia đất vị trí theo di chúc của cụ Đ; đề nghị phân đất cụ Đ chia cho các bà P, H, P1 làm nơi thờ cúng tổ tiên, chia cho bà H, P diện tích đất ở vị trí khác; còn lại chia theo quy định của pháp luật. Một nhà cấp bốn, một móng nhà gạch ba banh, 01 cây nhãn, 03 cây mít đều có giá trị không lớn nên không yêu cầu chia. Yêu cầu bà H phá dỡ tài sản, trả lại phân đất đã lấn chiếm là tài sản của cụ Đ, cụ L. Bà Q đại diện nhận quyền sử dụng đất, đại diện nhận thực hiện các nghĩa vụ nếu được chia.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị P: Hoàn toàn thống nhất với quan điểm của bà H, bà đồng ý để bà H đại diện nhận quyền sử dụng đất, đại diện thực hiện các nghĩa vụ khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các bà Trần Thị V, Trần Thị X, Trần Thị Kim H1, Trần Thị Minh P1; người đại diện hợp pháp của anh Trần Mạnh Q1, anh Trần Văn D, chị Trần Thị H3, chị Trần Thị H2, chị Trần Thị P2: Thống nhất về quan hệ nhân thân, về di sản của cụ Đ, cụ L để lại như nguyên đơn đã trình bày; đồng ý với quan điểm của bị đơn; đồng ý để bà Q đại diện nhận quyền sử dụng đất, đại diện nhận thực hiện các nghĩa vụ nếu được chia.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị T: Đã xuất cảnh ra nước ngoài trước khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, không rõ địa chỉ, đã được niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có quan điểm trình bày gửi đến Tòa án.

Người đại diện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Y: Đề nghị giải quyết theo qui định của pháp luật.

Đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng: Có văn bản trình bày việc chứng thực di chúc theo đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2020/DS-ST ngày 04/09/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Áp dụng khoản 5 Điều 26, Điều 37, Điều 39, khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 623, 625, 630, 635, 636, 643, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 04/2017/HĐTP-TANDTC ngày 05/5/2017 và Án lệ số 06/2016/AL của Tòa án nhân dân tối cao. Xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị L, chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về chia di sản thừa kế của cụ Trần Văn Đ theo di chúc:

Giao cho bà Trần Thị Minh H (đại diện cho cả bà Trần Thị P) được quyền sử dụng diện tích 127,7m² đất bao gồm các mốc 18-20-16-9-17-18 trên sơ đồ kèm theo bản án tại thửa số 457, tờ bản đồ số 04 tại Tổ dân phố T, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng, trên đất có một lán tôn trị giá 2.197.800 đồng và có một phần công trình xây dựng trên đất là tài sản của bà H.

Giao cho bà Trần Thị Q đại diện cho cả các hàng thừa kế là các bà X, V, H1, P1; các anh V1, D, Q1; các chị H3, H2, P2 được quyền sử dụng diện tích 481,9m² đất bao gồm các mốc 18-19 -3-2-1-12-11-10-17 trên sơ đồ kèm theo bản án tại thửa số 457 tờ bản đồ số 04 tại Tổ dân phố T, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng trên đất có một nhà cấp bốn của bà Q trị giá 19.840.000 đồng.

Bà Trần Thị Q đại diện cho các hàng thừa kế là bà X, V, H1, P1, anh V1, D, Q1, chị H3, H2, P2 có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Thị H là 136.460.000 đồng, bà Trần Thị P là 136.460.000 đồng. Bà Q đại diện cho các hàng thừa kế là các bà X, V, H1, P1; các anh V1, D, Q1; các chị H3, H2, P2 có trách nhiệm thanh toán chị Trần Thị Y số tiền là 30.480.000 đồng, thanh toán cho chị Trần Thị T số tiền là 15.240.600 đồng. Tạm giao cho chị Trần Thị H3 quản lý cho chị Trần Thị T số tiền là 15.240.600 đồng.

Các bà Trần Thị Minh H, Trần Thị P, Trần Thị Q, Trần Thị V, Trần Thị X, Trần Thị Kim H1, Trần Thị Minh P1; các anh Trần Mạnh Q1, Trần Văn D, Trần Văn V1; các chị Trần Thị H2, Trần Thị P2, Trần Thị H3 có quyền sử dụng lối ngõ đi chung diện tích 20m² có các mốc 4-5-20-18-19 trên sơ đồ kèm theo bản án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 16/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng có Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 20/2020/QĐ-SCBSBA ngày 16/9/2020.

Ngày 18/9/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng có kháng nghị phúc thẩm số 25/QĐKNPT-VKS-DS, kháng nghị một phần Bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm theo hướng căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm do Tòa án xác định phần di sản của cụ Đ là $\frac{1}{2}$ tài sản chung của vợ chồng mà không cộng phần tài sản cụ Đ được thừa kế từ cụ L là không chính xác; Tòa án không chia di sản của cụ Đ theo diện tích đã xác định trong di chúc là không tôn trọng nội dung di chúc.

Ngày 16/9/2020, nguyên đơn là bà Trần Thị Minh H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị P có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế bằng hiện vật là đất cho bà H, bà P theo di chúc của cụ Đ, để mỗi người được sử dụng riêng phần đất của mình; Chia di sản thừa kế của cụ L cho bà H, bà P được hưởng theo quy định của pháp luật; Đề nghị Tòa

án không cho những người không chăm sóc, nuôi dưỡng cụ Đ gồm các bà: Q, V, X, H1, H4, L1, cháu Q1 được hưởng di sản thừa kế.

Ngày 18/9/2020, bị đơn là bà Trần Thị Q có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án hủy Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 20/2020/QĐ-SCBSBA ngày 16/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng; Hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại cho thấu tình đạt lý.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị Minh H và bà Trần Thị P giữ nguyên đề nghị Hội đồng xét xử chia riêng di sản thừa kế của cụ L, cụ Đ cho mỗi bà bằng hiện vật. Bà Trần Thị Q đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không buộc bà phải thanh toán cho bà H, bà P, chị Y, chị T giá trị kỷ phần chênh lệch. Theo đó, bà Q thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia di sản thừa kế của cụ L, cụ Đ cho bà Q được hưởng bằng hiện vật ở phía ngoài được vuông vắn để xây dựng nơi thờ cúng được đẹp. Các bên đương sự đều thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử chia di sản thừa kế của cụ Đ, cụ L bằng hiện vật theo hướng đảm bảo quyền sử dụng đất mà không phải thanh toán phần chênh lệch giá trị cho nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữ nguyên kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, sau khi tóm tắt nội dung vụ án đã đưa ra nhận định và đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng xác định lại di sản thừa kế của cụ Đ, xem xét chia thêm cho bà H, bà P di sản thừa kế bằng đất tại vị trí thích hợp; chia di sản thừa kế cho chị Y, chị T bằng tiền, buộc bà Q phải thanh toán giá trị kỷ phần chênh lệch cho bà H, bà P tương ứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tổ tụng:

[1.1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án số 20/2020/QĐ-SCBSBA ngày 16/9/2020. Việc sửa chữa, bổ sung bản án mặc dù có vi phạm, tuy nhiên việc sửa chữa, bổ sung không làm thay đổi bản chất vụ án nên HĐXX thấy không cần thiết phải hủy bỏ Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án nhưng cần thiết phải rút kinh nghiệm sâu sắc với Tòa án cấp sơ thẩm.

[1.2] Về việc vắng mặt của một số đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đại diện theo ủy quyền có mặt; một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không rõ lý do nhưng đã có quan điểm trong hồ sơ vụ án; một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không rõ lý do nhưng việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn, kháng nghị

của Viện kiểm sát nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt họ.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng về người tham gia tố tụng, thời điểm mở thừa kế, thời hiệu khởi kiện, diện và hàng thừa kế, phạm vi giải quyết tranh chấp.

[2.2]. Về di sản thừa kế, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, các đương sự đều thừa nhận di sản thừa kế của cụ Đ, cụ L để lại gồm 669,2m² đất tại thửa số 457 tờ bản đồ số 04 tại Tổ dân phố T, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng theo GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 425217 vào sổ số cấp GCN CH00838 ngày 05/8/2014 do UBND huyện T cấp; 01 nhà cấp bốn; 01 móng nhà gạch ba banh; 01 cây nhãn; 03 cây mít.

Đối với di sản thừa kế là 01 nhà cấp bốn, 01 móng nhà gạch ba banh, 01 cây nhãn, 03 cây mít, thực tế qua xem xét thẩm định thì 01 móng nhà, 01 nhà cấp bốn không ai sử dụng, giá trị thấp, đã hư hỏng không sử dụng nên các đương sự thống nhất không yêu cầu phân chia các tài sản này, khi phân chia vào phần đất của ai thì người đó được hưởng, nếu vào ranh giới thì dỡ bỏ.

Đối với di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, tài liệu xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện diện tích đất thực tế còn lại là 593,7m² và diện tích bà H xây chồng lên phần diện tích đất có trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ Đ, cụ L là 35,9m², như vậy diện tích đất các hai cụ để lại thực tế chỉ là 629,6m²; diện tích đất còn thiếu là có thể do trước đây đo vẽ thủ công chưa chính xác, do nhiều lần chuyển nhượng. Các đương sự đều không yêu cầu phân diện tích đất thiếu này.

Đối với phần đất bà Q xây nhà cấp bốn và phần đất bà H xây nhà chồng lấn sang 35,9m² đất, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định không đủ căn cứ xác định cụ Đ đã cho bà Q, bà H nên vẫn thuộc di sản thừa kế của cụ Đ, cụ L để lại, từ đó chia thừa kế toàn bộ diện tích 629,6m² đất là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.2]. Xét kháng cáo của bà Trần Thị Minh H, bà Trần Thị P, bà Trần Thị Q và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

Về di chúc đề ngày 24/4/2018 của cụ Trần Văn Đ lập tại UBND thị trấn M: Tòa án cấp sơ thẩm nhận định di chúc của cụ Đ đã tuân thủ đúng về nội dung và hình thức quy định tại khoản 4 Điều 628, Điều 631 BLDS 2015 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm cũng nhận định theo nội dung di chúc thì cụ Đ đã tự ý xác định vị trí đất là tài sản của mình cho ba con gái là H, P, P1 mà không có sự đồng ý của các đồng thừa kế của cụ L. Đây là vị trí đẹp, thuận lợi và có giá trị nhất của thửa đất, phần còn lại bị méo, đa cạnh, vị trí không thuận lợi, không có lối vào. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định di chúc của cụ Đ chỉ có hiệu lực đối với ý nguyện phân tài sản của cụ chia làm ba cho con là H, P, P1, còn vị trí chia di sản phải xác định lại là phù hợp với quy định pháp luật.

Tại đơn đề nghị đề ngày 01/10/2021, các đồng thừa kế của cụ L là bà Trần Thị V, bà Trần Thị X, bà Trần Thị Kim H1, bà Trần Thị P, bà Trần Thị Minh P1; anh Trần Mạnh Q1, anh Trần Văn D, chị Trần Thị H3, chị Trần Thị H2, chị Trần Thị P2 nhường lại toàn bộ kỷ phần mà mình được hưởng cho bà Trần Thị Q. Xét thấy yêu cầu này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 08/3/2022, các bên đương sự đều thống nhất chia thừa kế bằng hiện vật làm 02 phần, phần thứ nhất thuộc quyền sử dụng của bà H, bà P; phần thứ hai thuộc quyền sử dụng của bà Q. Trong đó, chia riêng kỷ phần được hưởng của bà H, bà P và đảm bảo giá trị sử dụng đất đồng thời để các bên đương sự không phải thanh toán phần giá trị chênh lệch cho nhau. Hội đồng xét xử thấy việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái quy định pháp luật, do đó đã quyết định tạm ngừng phiên tòa để ủy thác tư pháp cho Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ xác định lại kỷ phần mỗi bên đương sự được hưởng bằng hiện vật. Ngày 16/5/2022, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ. Theo đó, hiện trạng thửa đất không có gì thay đổi so với khi xét xử sơ thẩm. Để đảm bảo giá trị sử dụng của các công trình xây dựng theo hiện trạng, đặc biệt là phần công trình xây dựng của bà H đã xây lấn sang một phần đất và ngôi nhà cấp 4 mà bà Q đã xây trên phần đất di sản, Hội đồng xét xử thấy không thể chia cho bà Q phần đất sát với ngõ đi (cạnh nhà bà H) vì như vậy phải tháo dỡ phần công trình của bà H và ngôi nhà của bà Q nên sẽ xem xét chia lại kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế vừa đảm bảo tinh thần di chúc của cụ Đ, vừa đảm bảo sự thỏa thuận, nguyện vọng của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm ngày 08/3/2022 cũng như giá trị của các công trình hiện hữu, cụ thể như sau:

- Để tạo lối ngõ đi chung thì cần tạo một diện tích là $23,6m^2$ đất có các mốc 4a-5-6-11c-11b-11d-11đ-11e-4a trên sơ đồ. Như vậy di sản của cụ Đ, cụ L còn lại để chia là $629,6m^2 - 23,6m^2 = 606m^2$. Tổng giá trị di sản là $606m^2 \times 2.000.000 \text{ đồng}/m^2$ (theo kết luận định giá tài sản) = 1.212.000.000 đồng, phần tài sản của mỗi cụ trị giá 606.000.000 đồng. Kỷ phần thừa kế cụ Đ được hưởng của cụ L là $606.000.000 \text{ đồng} / 11 = 55.090.000 \text{ đồng}$ (làm tròn). Như vậy, tổng giá trị di sản thừa kế của cụ Đ là $606.000.000 \text{ đồng} + 55.090.000 \text{ đồng} = 661.090.000 \text{ đồng}$. Theo di chúc của cụ Đ thì di sản của cụ Đ được chia làm ba phần cho bà H, P, P1 mỗi phần trị giá là 220.363.000 đồng (tương đương $110,18m^2$) (làm tròn).

- Trên cơ sở hiện trạng thửa đất, để đảm bảo giá trị sử dụng của phần công trình xây dựng của bà H (xây lấn sang đất thừa kế) và 01 nhà xây cấp 4 của bà Q (xây ở giữa đất), nên không thể chia đủ $110,18m^2$ đất cho các bà H, P, P1 như kỷ phần được hưởng mà chỉ có thể chia cho bà Trần Thị Minh H phần diện tích $100m^2$ đất có các mốc là 11d-11b-11a-11-12-11d trên sơ đồ và chia cho bà Trần Thị P phần diện tích $100m^2$ đất có các mốc là 11d-12-13-11e-11đ-11d trên sơ đồ. Đối với giá trị chênh lệch kỷ phần $10,18m^2$ đất cần buộc bà Q phải thanh toán bằng tiền cho bà H, bà P.

- Chia cho bà Trần Thị Q phần diện tích $611,6m^2 - 100m^2 - 100m^2 = 411,6m^2$ bao gồm các mốc 1-2-3-4-4a-11e-13-14-15-16-1 trên sơ đồ.

- Phần di sản của cụ L để lại trị giá là 606.000.000 đồng, mỗi kỷ phần được nhận trị giá là 55.090.000 đồng (làm tròn). Do đó, chị Trần Thị Y được hưởng thừa kế thế vị của ông Trần Văn B1 là $\frac{1}{2}$ kỷ phần của ông B1 trị giá 27.545.000 đồng. Chị Trần Thị T được hưởng thừa kế thế vị của ông Trần Văn T1 là $\frac{1}{4}$ kỷ phần của ông T1 trị giá là 13.772.500 đồng.

Do chị Y không nhường kỷ phần thừa kế được hưởng cho bà Q, còn chị T đang ở nước ngoài không liên hệ được và không biết ý kiến của chị T nên cần buộc bà Trần Thị Q có trách nhiệm thanh toán chị Trần Thị Y số tiền là 27.545.000 đồng, thanh toán cho chị Trần Thị T số tiền là 13.772.500 đồng. Phần giá trị thừa kế chị Trần Thị T được hưởng sẽ căn cứ vào hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2017/HĐTP TANDTC ngày 05 tháng 5 năm 2017 và Án lệ số 04/2016 của Tòa án nhân dân tối cao để giao cho chị Trần Thị H3 chị em ruột của chị T quản lý.

[3]. Từ những phân tích, nhận định nêu trên, HĐXX có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị Minh H, bà Trần Thị Q, bà Trần Thị P, chấp nhận một phần kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng, sửa bản án sơ thẩm theo hướng đã phân tích nêu trên.

[4]. Về án phí: Do Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm nên sẽ xác định lại án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị Q do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn là bà Trần Thị Minh H, bị đơn là bà Trần Thị Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị P; Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2020/DS-ST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng như sau:

Áp dụng khoản 5 Điều 26, Điều 37, Điều 39, khoản 2 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 623, 625, 630, 635, 636, 643, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 04/2017/HĐTP TANDTC ngày 05/5/2017 và Án lệ số 06/2016/AL của Tòa án nhân dân tối cao. Xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Lê Thị L theo pháp luật, chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về chia di sản thừa kế của cụ Trần Văn Đ theo di chúc:

- Chia cho bà Trần Thị Minh H được quyền sử dụng diện tích 100m² đất bao gồm các mốc 11d-11b-11a-11-12-11d, tại thửa số 457, tờ bản đồ số 04 tại Tổ dân phố T, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng, thể hiện trên sơ đồ kèm theo bản án.

- Chia cho bà Trần Thị P được quyền sử dụng diện tích 100m² đất bao gồm các mốc 11d-12-13-11e-11đ-11d tại thửa số 457, tờ bản đồ số 04 tại Tổ dân phố T, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng, thể hiện trên sơ đồ kèm theo bản án.

- Chia cho bà Trần Thị Q được quyền sử dụng diện tích 411,6m² đất bao gồm các mốc 1-2-3-4-4a-11e-13-14-15-16-1 trên sơ đồ kèm theo bản án tại thửa số 457 tờ bản đồ số 04 tại Tổ dân phố T, thị trấn M, huyện T, thành phố Hải Phòng, thể hiện trên sơ đồ kèm theo bản án.

- Bà Trần Thị Q có trách nhiệm thanh toán chị Trần Thị Y số tiền là 27.545.000 đồng, thanh toán cho chị Trần Thị T số tiền là 13.772.500 đồng. Tạm giao cho chị Trần Thị H3 quản lý cho chị Trần Thị T số tiền là 13.772.500 đồng.

- Các bà Trần Thị Minh H, Trần Thị P, Trần Thị Q có quyền sử dụng lối ngõ đi chung diện tích 23,6m² có các mốc 4a-5-6-11c-11b-11d-11đ-11e-4a thể hiện trên sơ đồ kèm theo bản án.

Bà Trần Thị Q phải thanh toán cho bà Trần Thị Minh H, bà Trần Thị P giá trị kỷ phần chênh lệch tương đương diện tích 10,18m² đất (làm tròn), mỗi bà là 20.360.000 đồng.

Kể từ ngày bà Trần Thị Minh H, bà Trần Thị P, chị Trần Thị Y, chị Trần Thị T có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền mà bà Trần thị Q2 có trách nhiệm thanh toán cho bà H, bà P, chị Y, chị T, cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị Q còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm:

Bà Trần Thị Minh H phải chịu 11.018.150 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003023 ngày 19/9/2019 là 1.070.000 đồng và số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002762 ngày 19/7/2019 là 300.000 đồng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Bà H còn phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.648.150 đồng.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị Q do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí.

Bà Trần Thị P phải chịu 11.018.150 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.170.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003022 ngày 19/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Bà P còn phải nộp số tiền án phí là 9.848.150 đồng.

Chị Trần Thị Y phải chịu 1.377.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trần Thị T phải chịu 688.650 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí phúc thẩm:

Bà Trần Thị Minh H, bà Trần Thị Q, bà Trần Thị P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trả lại cho bà Trần Thị Minh H 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0019021 ngày 09/10/2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Trả lại cho bà Trần Thị P 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0019022 ngày 09/10/2020 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- Cục THADS thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, phòng HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Văn Tuyền